

# CÔNG TY TNHH VỆ SINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG ĐÔ THỊ THĂNG LONG

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VỆ SINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG ĐÔ THỊ THĂNG LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANG LONG ENVIRONMENTAL SANITATION AND URBAN CONSTRUCT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THANG LONG ENVIRONMENTAL AND CONSTRUCT CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108223058

**3. Ngày thành lập:** 09/04/2018

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Hữu Cước, Xã Liên Hồng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.3381.5578 / 0974.116.275 Fax:

Email: [nguyen.ngoc840@gmail.com](mailto:nguyen.ngoc840@gmail.com) Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng:<br>+ Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép<br>+ Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;                                                                                                              | 4663     |
| 2.  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3822     |
| 3.  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3821     |
| 4.  | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác<br>Chi tiết:<br>- Vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu;<br>- Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống;<br>- Dịch vụ tẩy uế (không bao gồm xông hơi khử trùng)<br>- Dịch vụ khác về bảo vệ môi trường: Dịch vụ vệ sinh công cộng | 8129     |
| 5.  | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3900     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 6.  | Bán mô tô, xe máy<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4541        |
| 7.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3700(Chính) |
| 8.  | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3812        |
| 9.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4390        |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330        |
| 11. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Ô tô chuyên dụng: Xe chở rác, xe quét đường, xe phun nước, xe trộn bê tông,...;                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4511        |
| 12. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8130        |
| 13. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2220        |
| 14. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3830        |
| 15. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |
| 16. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3811        |
| 17. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:<br>+ Các nhà máy lọc dầu,<br>+ Các xưởng hoá chất,<br>- Xây dựng công trình cửa như:<br>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...<br>+ Đập và đê.<br>- Xây dựng đường hầm;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.    | 4290        |
| 18. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4322        |
| 19. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4610        |
| 20. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3320        |
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8299        |

